

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 63/2021/DS-ST

Ngày: 29 - 7 - 2021

(V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG – TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Bá Bảy.

+ *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Bùi Văn Liên

Ông Nguyễn Văn Lam

+ *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án

+ *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa:*

Bà Lê Trịnh Xuân Trang - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 7 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Kông Năng tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 46/2021/TLST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2021/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2021/QĐST-DS ngày 14/7/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Địa chỉ: Số 35 H, Quận K, Thành Phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức P.

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Cao T, có mặt

Chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch Krông Năng – Chi nhánh Buôn Hồ.

Địa chỉ: Số 105 đường T, TT. K, huyện N, tỉnh Đắk Lắk.

(Theo văn bản ủy quyền số 918/BIDV-BH ngày 01/6/2021)

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn B, bà Lê Thị C (ông B vắng mặt, bà C có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện N, tỉnh Đắk Lắk.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Văn Đ, anh Nguyễn Văn O, chị Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thị D, chị Nguyễn Thị E (Đều vắng mặt không có lý do).

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện N, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 22/01/2021, lời khai tại Tòa án và lời trình bày tại phiên tòa của đại diện nguyên đơn:

Ngày 04/12/2018 ông Nguyễn Văn B và bà Lê Thị C thỏa thuận ký kết Hợp đồng tín dụng số 01/2018/11878080/HĐTD với Ngân hàng thương mại cổ phần A để vay số tiền 600.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng tính từ ngày vay, mức lãi suất trong hạn 9,9 %/năm, mức lãi suất quá hạn bằng 150% so với mức lãi suất trong hạn, mục đích vay để chi tiêu dùng gia đình. Tính đến ngày 29/7/2021 ông B, bà C đã trả được số tiền gốc 50.000.000 đồng. Để đảm bảo cho việc trả nợ ông Nguyễn Văn B và bà Lê Thị C và các thành viên trong hộ gia đình có thể chấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tài sản là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, theo Hợp đồng thế chấp số 01/2017/2117425/HĐBĐ ngày 21/12/2017 gồm: Thửa đất số 94;115;114; tờ bản đồ số 12, diện tích 10.950 m², giấy CNQSD đất số AH 335058, cấp ngày 09/7/2007 mang tên hộ ông Nguyễn Văn B. Nay hợp đồng tín dụng đã quá hạn trả nợ nhưng ông B, bà C vẫn không trả hết nợ. Vì vậy, Ngân hàng thương mại cổ phần A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn B và bà Lê Thị C phải trả nợ cho Ngân hàng số nợ gốc 550.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết. Trường hợp ông B, bà C không trả nợ hoặc trả không hết nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý số tài sản mà ông B, bà C đã thế chấp cho Ngân hàng để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn: Bà Lê Thị C trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày:

Công nhận hiện nay ông B, bà C còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền gốc 550.000.000 đồng và lãi suất phát sinh, theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/11878080/HĐTD ngày 04/12/2018 mà ông B, bà C đã ký kết với Ngân hàng thương mại cổ phần A. Số tài sản mà ông B, bà C thế chấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần A là Quyền sử dụng đất + tài sản gắn liền trên đất theo Hợp đồng thế chấp số gồm: Thửa đất số 94;115;114; tờ bản đồ số 12, diện tích 10.950 m², giấy CNQSD đất số AH 335058, cấp ngày 09/7/2007 mang tên hộ ông Nguyễn Văn B. Nay đã quá hạn trả nợ nhưng ông B, bà C vẫn chưa trả hết nợ được cho Ngân hàng, nay Ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Văn B, anh Nguyễn Văn Đ, anh Nguyễn Văn O, chị Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thị D, chị Nguyễn Thị E, mặc dù Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng vẫn không có mặt tại Tòa án để làm việc.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đại diện cho nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng các quy định tại Điều 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn (ông B) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng vẫn không có mặt tại phiên tòa là không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả nợ cho nguyên đơn số tiền gốc 550.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật. Trường hợp bị đơn không trả hết nợ cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn (ông B) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; mặc dù đã được Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ nội dung, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào lời khai của đương sự và Hợp đồng tín dụng số 01/2018/11878080/HĐTD ngày 04/12/2018 và hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/2117425/HĐBĐ ngày 21/12/2017 mà ông B, bà C đã ký kết với Ngân hàng thương mại cổ phần A, đã có đủ căn cứ khẳng định: Vào ngày 04/12/2018 ông B, bà C có vay của Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền gốc 600.000.000 đồng; Để đảm bảo cho việc trả nợ ông B, bà C thế chấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần A quyền sử dụng đất + tài sản gắn liền trên đất theo hợp đồng thế chấp số 01/2017/2117425/HĐBĐ ngày 21/12/2017 gồm: Thửa đất số 94; 115; 114; tờ bản đồ số 12, diện tích 10.950 m², giấy CNQSD đất số AH 335058, cấp ngày 09/7/2007 mang tên hộ ông Nguyễn Văn B. Đến nay đã quá thời hạn trả nợ theo thỏa thuận nhưng ông B, bà C chỉ trả nợ cho Ngân hàng được số tiền gốc 50.000.000 đồng, số nợ gốc còn lại và tiền lãi phát sinh ông B, bà C vẫn không trả nợ cho Ngân hàng. Như vậy, ông B, bà C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A, buộc

ông B, bà C phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần A tổng số tiền gốc 550.000.000 đồng và tổng số tiền lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm (29/7/2021) là 210.347.137 đồng, cụ thể: Tiền lãi trong hạn 137.075.671 đồng + tiền lãi quá hạn 61.214.548 đồng + tiền lãi chậm trả đối với số tiền lãi 12.056.918 đồng.

Như vậy, tổng số tiền ông Nguyễn Văn B và bà Lê Thị C mà phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A đến ngày xét xử sơ thẩm (29/7/2021) là 760.347.137 đồng. Ngoài số tiền trên ông B, bà C còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 30/7/2021 cho đến ông B, bà C thi hành án xong, theo mức lãi suất quá hạn mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 01/2018/11878080/HĐTD ngày 04/12/2018.

Trường hợp bị đơn không trả hết nợ cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền yêu cầu xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn có nghĩa vụ trả lại giấy CNQSD đất cho bị đơn sau khi bị đơn trả hết nợ cho nguyên đơn.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn B thuộc diện người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được trả lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 466; khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Buộc ông Nguyễn Văn B và bà Lê Thị C phải trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần A tổng số tiền 760.347.137 đồng (tiền gốc 550.000.000 đồng + tiền lãi phát sinh 210.347.137 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/7/2021) cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Văn B và bà Lê Thị C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 01/2018/11878080/HĐTD ngày 04/12/2018.

Sau khi ông Nguyễn Văn B và bà Lê Thị C trả hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần A thì Ngân hàng thương mại cổ phần A có nghĩa vụ trả lại cho bà ông Nguyễn Văn B và bà Lê Thị C giấy CNQSD đất số AH 335058 cấp ngày 09/7/2007 mang tên hộ ông Nguyễn Văn B.

Trường hợp ông Nguyễn Văn B và bà Lê Thị C không trả hoặc trả không hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần A thì Ngân hàng thương mại cổ phần A có quyền yêu cầu xử lý số tài sản mà ông Nguyễn Văn B và bà Lê Thị C đã thế chấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần A theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2017/2117425/HĐBĐ ngày 21/12/2017 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Ông Nguyễn Văn B được miễn án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bà Lê Thị C phải nộp 17.206.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền 17.427.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số AA/2019/0015259 ngày 04/02/2021.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- THA dân sự huyện Krông Năng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Phan Bá Bẩy